

Bản án số 276/2024/HNGĐ-ST

Ngày 13 – 11 - 2024

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiến

Ông Nguyễn Ngọc Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 13 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 435/2024/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2798/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Mỹ T, sinh năm 1964; địa chỉ cư trú: Ấp LHT, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Thạch T1, sinh năm 1963; địa chỉ cư trú: Ấp LHT, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Phạm Mỹ Tn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà với ông T1 tổ chức đám cưới năm 1984, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, nhưng thời gian sau vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do ông T1 thường xuyên đi làm xa, không quan tâm gia đình. Chính quyền địa phương, cũng như các con đã hòa giải nhiều lần mà không thành. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông T1.

- Về con chung: Vợ chồng có 07 người con tên Thạch Thanh T2 (chết), Thạch Thanh T3 (chết), Thạch Thị Thùy T4, sinh năm 01/01/1991, Thạch Thanh T5, sinh ngày 01/01/1997, Thạch Huỳnh O, sinh ngày 08/6/1998, Thạch Thị Diễm

T6, sinh ngày 20/8/2001 và Thạch Thị Hồng T7, sinh ngày 13/3/2004 hiện đã trưởng thành. Khi ly hôn, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và các vấn đề khác: Vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung, không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng.

Đối với ông Thạch T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông không có ý kiến về nội dung, yêu cầu khởi kiện của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Phạm Mỹ T khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân, con chung với ông Thạch T1 là vụ kiện tranh chấp ly hôn, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bà T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông T1 đã được triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà T, ông T1.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào năm 1984, bà T với ông T1 chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Như vậy, mối quan hệ hôn nhân giữa bà T với ông T1 được xem là hôn nhân thực tế, nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Xét về nguyên nhân mâu thuẫn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo bà T xác định quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, nhưng thời gian sau vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do ông T1 thường xuyên đi làm xa, không quan tâm gia đình. Chính quyền địa phương, cũng như các con đã hòa giải nhiều lần mà không thành. Như vậy, Hội đồng xét xử khẳng định trong cuộc sống vợ chồng giữa bà T với ông T1 đã có những mâu thuẫn không thể hàn gắn được là thực tế có xảy ra. Đồng thời, mâu thuẫn đó đã lâm vào tình trạng trầm trọng, dẫn đến cuộc sống chung không thể kéo dài, và mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về quan hệ hôn nhân.

[5] Xét về con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình chung sống, bà T với ông T1 có với nhau 06 người con, có 02 người con đã chết, 04 người con còn lại hiện đã trưởng thành. Khi ly hôn, bà T không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Xét về tài sản chung và các vấn đề khác: Bà T xác định vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung, không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng ông T1 không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Xét về án phí dân sự: Bà T là người cao tuổi nên được miễn án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm đ khoản 1 của Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Mỹ T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Phạm Mỹ T được ly hôn với ông Thạch T1.

2. Về án phí dân sự: Bà Phạm Mỹ T được miễn án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Minh Thịnh